

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CĐ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CĐ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm, bà Huỳnh Hoa Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HN ngày 24/02/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Vn, sinh năm 2003, địa chỉ: số 428, KDC TTTM Nam CĐ, ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: 26/41, đường X, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại: 0342.711.728.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Sn, sinh năm 2000, nơi cư trú: Số 369, tổ 4, khóm VC, phường K, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Đại chỉ liên hệ: Chung cư Opalskyline, đường X, quận K, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vn trình bày:

Bà và ông Sn tự tìm hiểu yêu thương chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn số 117, ngày 22/7/2022 tại UBND phường K, thành phố CĐ. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vào khoảng tháng

02/2024 thì xảy ra mâu thuẫn, do ông Sn có quan hệ bất chính với người đàn bà khác, nên vợ chồng không sống chung từ đó đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà và ông Sn có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/6/2022, hiện cháu đang sống chung với bà Vn; bà Vn yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu ông Sn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Vn rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Vn khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Nay tình cảm không còn bà Vn yêu cầu được ly hôn ông Sn; yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông Sn cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung. Do làm ăn xa nên bà Vn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sn có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung, ông có nhận được các Thông báo của Tòa án về việc bà Vn xin ly hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn. Nay bà Vn ly hôn thì ông thống nhất thuận tình ly hôn. Ông và bà Vn có 01 con chung Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/6/2022, ông đồng ý giao con cho bà Vn nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đi làm xa nên ông xin xét xử vắng mặt.

Kết quả xác minh tại Ban khóm VC, phường K, thành phố CĐ được biết: Ông Sn và gia đình có thuê nhà sinh sống trên địa bàn Khóm VC, phường K từ năm 2021 đến nay. Hiện nay đương sự làm gì thì địa phương không nắm.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự nhưng không được do các đương sự có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Vn được ly hôn với ông Sn. Về con chung, đề nghị giao bà Vn tiếp tục nuôi dạy con chung; ông Sn không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố CD. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống bà Vn, ông Sn xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, vợ chồng không chủ động hàn gắn tình cảm, bà Vn ly hôn, ông Sn đồng ý. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Vn và ông Sn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Vn ly hôn với ông Sn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà Vn và ông Sn có 01 con chung tên Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/6/2022, hiện nay đang sinh sống với bà Vn. Ông Sn đồng ý giao con cho bà Vn nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Vn, giao cháu Q cho bà Vn tiếp tục nuôi dạy cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Bà Vn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Sn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vn, ông Sn không yêu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vn.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Vn yêu cầu ông Nguyễn Văn Sn cấp dưỡng nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vn, sinh năm 2003 được ly hôn ông Nguyễn Văn Sn, sinh năm 2000.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Vn được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/6/2022 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn Sn không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Sn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vn không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Vn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004035 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; bà Vn đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn Sn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. CĐ (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.CĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương